



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dong.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

TP. HỒ CHÍ MINH SỐ 181/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2011

ĐẾN

Số: 12007

Giới: Ngày: 15 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/03/2011 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 37. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nữ
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đường Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	29	1.055.178.724.160	567.808.493.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	71.146.501	944.386.023
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	29	1.055.107.577.659	566.864.111.712
4. Giá vốn hàng bán	11	30	923.888.752.546	492.065.803.829
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		131.218.825.113	74.798.309.883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	5.156.893.113	3.678.983.703
7. Chi phí tài chính	22	32	24.179.114.109	25.177.191.537
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.828.616.877	24.993.717.234
8. Chi phí bán hàng	24		5.198.495.399	7.476.236.413
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.752.005.630	15.409.233.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.246.103.083	30.414.637.421
11. Thu nhập khác	31	33	1.803.123.569	1.098.347.908
12. Chi phí khác	32	34	1.889.502.460	1.627.031.092
13. Lợi nhuận khác	40		(86.378.891)	(528.681.184)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	35	82.159.724.198	29.885.947.237
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	12.528.105.656	3.628.904.754
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(488.267.415)	18.084.833
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	35	70.119.835.957	26.238.957.640
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.407.076.178	3.058.543.214
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		65.712.809.779	23.180.414.426
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.258,17	757,58



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

[Signature]

Vũ Thị Hải

Người lập biên

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Hương